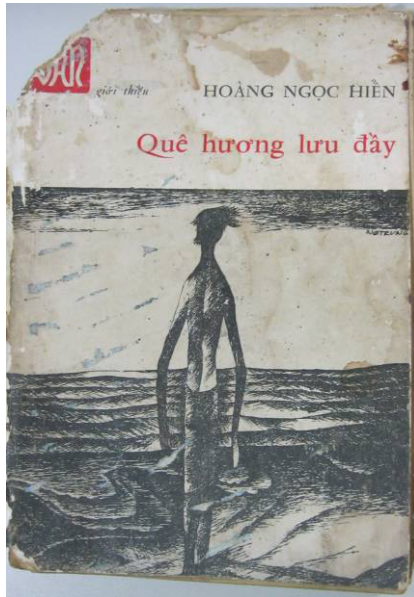


# PHẬN NGƯỜI TRONG “QUÊ HƯƠNG LƯU ĐẦY” CỦA HOÀNG NGỌC HIỂN

Bài Nguyễn Lê Uyên



Quê Hương Lưu Đầy là tác phẩm đầu tay của Hoàng Ngọc Hiến được Văn ấn hành năm 1969, trong ý tưởng của cố nhà văn Trần Phong Giao lúc còn làm thư ký tạp chí Văn: giới thiệu tác phẩm đầu tay của những cây bút trẻ đến với độc giả (trước đó là Một Cách Buồn Phiền của Lê Văn Thiện).

Với tầm vóc của tạp san Văn, với những hoài bão của ông Trần Phong Giao, hai tác phẩm trên đã được độc giả nồng nhiệt đón đọc. Số lượng phát hành tuy không lớn, chỉ khoảng 1.000 bản nhưng sau 2 tháng phát hành đã hết sạch trên các nhà sách.

Ở thời điểm những năm cuối thập niên 1960, độc

giả chỉ biết đến Hoàng Ngọc Hiến qua vài truyện ngắn trên Văn, ít ai nghĩ rằng ông viết truyện dài. Điều này khiến độc giả bất ngờ với những lời giới thiệu trang trọng của nhà xuất bản: *“Cuốn thứ hai được gửi tới tay bạn đọc là một truyện dài của Hoàng Ngọc Hiến, một giáo sư trẻ tuổi hiện đang phục vụ trong quân ngũ. Với đề tài chưa ai khai thác, chúng tôi hy vọng “Quê Hương Lưu Đày” sẽ làm vừa lòng bạn đọc...”* (Trần Phong Giao).

Trước khi vào truyện, Hoàng Ngọc Hiến đã viết mấy dòng ngắn ngủi, như một giải bày: *“Quê hương lưu đày, những tiếng này được dùng để gọi riêng Côn Sơn, một hải đảo mà chúng tôi đã thực sự tham gia đời sống tại đây. Chúng tôi đã nhìn Côn Sơn không phải với đôi mắt bàng quan của một người đi du lịch, cũng không phải với cái nhìn miễn cưỡng bất mãn của nhiều kẻ bị lưu đày đến đó; mà còn coi Côn Sơn là một quê hương dù quê hương này dưới mắt hầu hết mọi người vẫn chỉ là một miền lưu đày...”*.

Như vậy, quê hương Côn Sơn của ông đã được ông dàn trải, gửi gắm tâm lòng, đời sống của mình ra sao trong truyện dài đầu tay này?

174 trang sách, không dài mấy. Nội dung xoay quanh hành trình của nhân vật “tôi” từ đất liền ra đảo dạy học, gần như là một thiên tự sự có giới hạn về thời gian và không gian, dập dềnh những suy nghĩ và cảm xúc cá nhân trước mọi chuyển động trên bề mặt chật hẹp: Côn Đảo!

Và rồi, người đọc bắt đầu cùng nhân vật “tôi” đứng đợi phi cơ ở một phi trường quân sự nào đó trong đất liền, cùng sự có mặt của người vợ tiễn đưa và một nhóm người là quân nhân công chức đang làm việc tại đảo, để đến quê hương mới, cho đến khi kết thúc là bữa nhậu ở quán Ba Càng, với lời ca náo nức của lão chủ quán.

Phi cơ đáp xuống sân bay Côn Đảo là một thế giới khác: lẻ loi, xa cách để “tôi” kịp nhận ra bóng dáng Côn Sơn khi vừa đặt chân lên đảo: *“Tôi nhìn bao quát toàn thể phi trường một lượt. Một cái băng nền xanh để bốn chữ vàng “Phi trường Côn Sơn” gắn ở trên một căn nhà trống chỉ có mái tôn che”* (trg 21).

Về hoang sơ, tuyềnh toàng đầu tiên ấy cũng đã

được Hoàng Ngọc Hiến tiếp tục mô tả sơ lược trong đời sống sinh hoạt ở đây trong suốt tháng ngày “tôi” có mặt, từ ngôi nhà tạm ở nhờ của anh chị Thịnh, đến một vài hàng quán nghèo nàn trên phố, những con đường ra biển, ngôi trường, tòa hành chính... khiến cho mảnh đất này càng trở nên heo hút, xa cách với thế giới sầm uất, ồn ào trong đất liền mà “tôi” vừa đã bỏ lại sau lưng.

Hẳn độc giả sẽ rất thất vọng khi cố công tìm kiếm trong “Quê Hương Lưu Đày” những khổ nhục tù đày, những lam lũ của người dân khi phải xa cách với văn minh, phồn hoa đô hội trong đất liền, càng không thể tìm thấy những ngợi ca Côn Sơn như một thiên đường hoang sơ. Không có gì hết ngoài những mẩu chuyện đời thường xoay quanh những người sống bên nhau là những giáo sư cùng trường, một vài công chức quen mặt, chị bán cá, ông chủ quán... Và, mặc dù, có vẻ như Côn Sơn là xứ sở rất thanh bình, bởi chiến tranh không hề có mặt ở đây, nhưng qua những suy nghĩ, nếp sinh hoạt trên toàn đảo thì chiến tranh vẫn thật thụt trong từng câu chuyện trao đổi, những tin tức trên đài, những lời nói xa gần của mọi người dân, công chức, giám thị... trên đảo.

Có điều, ngoài vẻ lặng lẽ của nhân vật “tôi” còn ẩn chứa bên trong nó một thân phận làm người. Đó là một thanh niên phải tìm cách mưu sinh để nuôi sống bản thân và vợ con, khởi đi từ một chuyến bay quân sự từ đất liền ra đảo.

Cuộc đời của một nhà giáo bắt đầu từ đây. “Tôi” phải chấp nhận để lại vợ sắp đến kỳ sinh nở trong đất liền, một thân một mình lên đảo mưu sinh bằng nghề dạy học, nhưng không phải chính ngạch mà là dạy giờ, ngoại ngạch; dạy giờ nào hưởng lương giờ ấy, đây đây những khổ lụy, bạc bẽo bởi không hề được hưởng bất kỳ một loại phụ cấp nào như những công chức chính ngạch khác.

Rải rác trong truyện, HNH thỉnh thoảng lại nhắc đến vấn đề trên như một bất công trong xã hội thời bấy giờ; đôi khi lại thấy như lạc lõng giữa các giáo sư khác: *“Giáo sư dạy giờ, thật khốn nạn. Hơn ba tháng hè mớ meo, thất nghiệp, nằm nhà ăn bám gia đình. Những tên có ngạch, vừa chơi vừa ăn lương. Ngày lễ họ nghỉ thành thói,*

*mình mất giờ dạy, mất phụ cấp. Nhiều lúc nghĩ buồn, uống rượu, đánh bạc cả đêm”* (trg 152).

“Tôi” không bắt buộc phải xin làm giáo sư tư nhân, nhưng trong cuộc sống, không có con đường chọn lựa nào khác và “tôi” phải chấp nhận như một định mệnh đã được an bài, cuộc sống cứ thế lặng lẽ trôi qua trong những ngày trên đảo chẳng khác một tù nhân, xa cách mọi sinh hoạt với thế giới đang âm ỉ bên trong kia.

Nỗi cô đơn của “tôi” thường trực trong mọi nơi mọi lúc, ngay cả khi nhìn ngắm bãi biển, hàng dương xanh tấp, phẳng lì: *“...ngoài khơi ba hòn đảo nhỏ nhô lên như ba nỗi niềm cô độc. Hàng cây dương không ngừng reo lên những tiếng than buồn lặng lẽ. Càng lắng nghe, nó như càng thấm sâu vào tận da thịt mình. Nó làm cho tâm hồn mình bỗng dưng lạnh lẽo và da thịt mình như cũng muốn thở dài”* (trg 42).

Mỗi nhân vật bên cạnh “tôi”, dù số phận khác nhau, chỗ đứng khác nhau nhưng chung quy đều có nỗi niềm riêng. Đó là ông Hạ, một người ham danh lợi nên tham gia vào một tổ chức bí mật và bị bắt đày ra Côn đảo: *“...Tôi ham danh lợi, chúng nó đến mời tham gia một tổ chức bí mật với một chức vụ quan trọng, trưởng ban liên lạc. Tôi ham cái danh đó mà bỏ vợ con ruồng vờn ra đi. Chúng nó lại còn hứa hẹn sau ngày mặt trận thành công sẽ cho chức vị xứng đáng. Tôi đã làm, sau tôi mới biết chúng nó... lợi dụng tôi cho dễ. Chúng đánh lừa tôi, chúng chỉ coi tôi như một công cụ hoạt động. Khi biết rõ dã tâm của chúng nó thì muộn rồi”* (tr 74).

Họ sẵn sàng chia sẻ nỗi niềm với nhau, dễ dàng hiểu nhau và thông cảm về thân phận của nhau trên mảnh đất lăm lăm từ đi kèm. Nó không chỉ giới hạn với những đồng nghiệp hay người thân, mà với bất kỳ người dân nào đang sinh sống kể cả tù đày, đều có những suy nghĩ hướng về cái thiện. Đó là một ông Hạ bị phỉnh phờ gia nhập mặt trận và bị bắt bị tù; hay như ông Ba Càng - một người lính già đã giải ngũ - từng vác khẩu đại liên ra mặt trận, quyết định chọn lựa xứ này như một quê hương thứ hai, mở một quán nhỏ bên bãi biển và gắn cả cuộc đời còn lại với nó trong niềm an lạc tuổi già.

Ngay cả “tôi” cũng bắt đầu có những suy nghĩ như vậy khi trải qua những tháng ngày ngọt bùi cay đắng trên đảo: *“Anh vẫn công nhận cuộc đời này cao vời vợi, sừng sừng thách đố con người kia mà. Anh thua sút. Anh cân suy nghĩ để chọn cho mình một chỗ đứng, một lối tiến thủ, trước hết là chọn cho mình một quê hương... Anh đã có ý tưởng muốn sống đời ở đây. Rồi cuộc đời dính liền với ngôi trường, với ẩm đạm núi cổ, với thường xuyên biến động. Dần dà anh biến thành nhân vật cổ tích”* (trg 168-169).

Để khép thiên truyện dài này, Hoàng Ngọc Hiến mở ra cuộc gặp gỡ giữa “tôi” và ông chủ quán Ba Càng bên chén rượu, kể lể về cuộc đời của nhau, cùng suy gẫm và cùng triết lý về cuộc sống trong lúc đang ngà ngà say. Ông Ba Càng cất lên tiếng hát ai oán một bài hát do một người lính Chiêm Thành dạy ông khi còn tại ngũ. Trong khung cảnh nhập nhòa sáng tối, “tôi” đã ngồi yên chăm chú lắng nghe và “tôi” cảm được thân phận con người qua chất giọng nức nở của ông Ba Càng: *“Có chút gì suốt suốt... tôi chợt hiểu. Mất một quê hương, mất một dân tộc, mất những thứ lớn lao hơn đời người. Mất cả lịch sử, còn gì... Giọng rượu của lão khàn khàn chénh choáng, tôi thấy những âm thanh khởi từ giọng ca của lão va vào ly la-de làm sóng sánh...”* (trg 174).

Hai người, một già một trẻ, bên bàn rượu đã nhận ra và hiểu được phận người trong vòng xoáy lịch sử, ngậm ngùi và xé lòng với *những âm thanh khởi từ giọng ca của lão va vào ly la-de làm sóng sánh.*

Cú va đập âm thanh này cũng chính là thân phận của hai người trong quán tranh nghèo sát biển: *“Đêm đã đến thực rồi, trời trong suốt trên cao”* (trg 174). Đó là câu cuối cùng của thiên truyện. Câu khiến người đọc bắt buộc phải quay lại đọc lần nữa để đào xới sâu hơn, chín hơn và chính xác hơn về nhân vật “tôi” phân thân ra hai ngã mà như nhập làm một: *trong suốt trên cao!*

Cũng nói thêm rằng, khi lần mở lại những thùng sách với đôi tay run, tôi không ngờ mình còn giữ được Quê Hương Lưu Đây sau 40 năm bị giam trong thùng carton,

bằng với thời gian của những người tù khổ sai chung thân! Tôi vẫn cứ nghĩ nó đã bị “xử bắn” bằng môi lửa như bao quyển sách quý khác? Và tay vẫn tiếp tục run với nhiều loại cảm xúc khác nhau.

Tìm lại được tập tiểu thuyết này của Hoàng Ngọc Hiến, cầm trên tay, mừng vô hạn nhưng sau đó, tự dưng lòng dấy lên một nỗi buồn đập dềnh về số phận cuốn sách và những con người bị biếm trích ngay trên chính quê hương mình.

Sự độc ác từ một dúm người không tim óc, đã khiến QHLD phải mang số phận đọa đày, phải sống chui nhủi, lẩn trốn rờn rã bao nhiêu năm trời trong đáy thùng lèn chặt các loại sách báo để tránh sự truy bức dã man, truy sát bạo liệt. Và nó đã phải trả giá bằng những vết cắn lam nham của đám chuột nấp bên lỗ người vô pháp vô cương đục khoét, gặm nhấm rách cả góc trái bìa sách, xóa đi phân nửa logo VĂN đỏ chói một thời! Cũng may, những con chuột đó cũng có phẩm cách của loài vật gặm nhấm; chúng cũng biết chừa lại cho chủ nhân những trang in gần như nguyên vẹn.

Nhìn “bộ dạng” bìa sách, từ logo đến tên tác giả, tác phẩm và hình nhân đứng trước biển của họa sĩ Nguyễn Trung, thì cái phận người tôi gọi tên cho tác phẩm này là chính xác, như tiếng than xé lòng không thấu tới trời cao.

Viết một vài dòng về Quê Hương Luru Đầy, dưới con mắt của người cùng thế hệ với ông, may mắn còn sống sót sau bao tháng năm đọa đày, như một lời tạ tội cùng ông, đã không giữ quyển truyện được nguyên vẹn, nhưng ở thế giới bên kia, nếu có, ông cứ xem đây như những nén hương thấp trước mộ chí ông với cả lòng thành của một con người cũng đã “mất quê hương”!

*Tháng 6/2015*  
**Nguyễn Lệ Uyên**